

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST

Ngày 17 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm;

Bà Nguyễn Thị Non.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) QD.

Địa chỉ trụ sở: phố B, phường H, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng tổ tụng tại Miền Nam. Nơi cư trú: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số: 60/2022/UQ-NCB ngày 20/4/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần hạ tầng CM.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp phường T, đường L, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Ánh H' – sinh năm 1992 theo giấy ủy quyền ngày 09/02/2022 (có mặt).

+ Ông Đặng Đình V theo giấy ủy quyền ngày 10/02/2022 (vắng mặt).

+ Bà Vũ Kiều C, sinh năm 1999 theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2022 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tầng N, Tòa nhà V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh N.

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Như Q – Trưởng phòng đầu tư và doanh nghiệp theo giấy ủy quyền ngày 15/6/2022 (có mặt).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh N (xin vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của đại diện hợp pháp nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Công ty cổ phần hạ tầng CM (Gọi tắt Công ty CM) có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP NV (nay là Ngân hàng TMCP QĐ (NCB) (Gọi tắt Ngân hàng) theo các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 209/11/HĐTD/101-11 ngày 22/4/2011 có nội dung. Số tiền vay: 90.000.000.000đ, lãi suất: 26,25%/năm áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên 22/4/2011; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc cho phần lãi chậm trả). Lãi chậm trả lãi: 0,1%/ngày. Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Ngày 15/02/2012 Ngân hàng và Công ty CM ký kết hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/12 với nội dung như sau:

Số tiền vay: 49.900.000.000đ, mỗi kỳ hạn trả nợ gốc là 12.475.000.000đ.

- Ngày 25/4/2012 Ngân hàng và Công ty CM ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 với nội dung như sau:

Kỳ hạn trả lãi vay: 06 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh. Ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh: 22/4/2013.

- Ngày 15/01/2013 Ngân hàng và Công ty CM ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 với nội dung sau:

Lãi suất vay: 15%/năm, áp dụng kể từ ngày 15/01/2013. Kỳ hạn trả lãi vay: 06 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh. Ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh: 22/8/2014.

2. Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 01/12/HĐTD/120-11 ngày 15/02/2012. Số tiền vay 40.100.000.000đ, lãi suất: 18,62%/năm áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên 15/02/2012; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc cho phần lãi chậm trả). Lãi chậm trả lãi: 0,1%/ngày. Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp. Thời hạn vay: 48 tháng.

Ngày 25/4/2012 Ngân hàng và Công ty CM ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 với nội dung:

Kỳ hạn trả lãi vay: 06 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh. Ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh: 15/8/2013.

Ngày 15/01/2013 Ngân hàng và Công ty CM ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 với nội dung:

Lãi suất vay: 15%/năm, áp dụng kể từ ngày 15/01/2013. Kỳ hạn trả lãi vay: 06 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh. Ngày trả lãi vay đầu tiên sau điều chỉnh: 15/8/2014.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty CM đã ký Hợp đồng thế chấp số 076/11/HĐTC-QĐN/101-11 ngày 22/4/2011; hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01/076/11/HĐTC-QĐN/120-11 ngày 23/4/2011 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ việc cho thuê đất diện tích 1.233.343,5m² tại ấp 6 - ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh N thuộc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Khánh An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T01765 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 16/6/2009. Diện tích đất thương phẩm khu ấp 6 - ấp 7 có thể cho thuê tạm tính là 475.766m². Đất thương phẩm được hiểu là đất mà bên thế chấp thực sự cho thuê được, không bao gồm đất giao thông, đất trồng cây xanh, đất dùng cho các công trình công cộng...

Quá trình thanh toán nợ: Khoản vay theo các hợp đồng nêu trên đã quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng Công ty CM vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Như vậy, Công ty CM đã vi phạm các thỏa thuận, cam kết trong các hợp đồng cho vay ký kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 17/6/2022, Công ty CM nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 296.443.424.752đ, gồm: Nợ gốc: 90.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 56.265.399.752đ; lãi quá hạn: 150.178.025.000đ và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty CM trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng kiến nghị Ban quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh N khi giải quyết tiền đầu tư giải phóng mặt bằng cho Công ty CM thì thông báo cho Ngân hàng và cơ quan thi hành án phối hợp nhằm thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 076/11/HĐTC-QĐN/101-11 ngày 22/4/2011; hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai sửa đổi, bổ sung số 01/076/11/HĐTC-QĐN/120-11 ngày 23/4/2011 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản thế chấp hình thành trong tương lai.

- Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H' trình bày:

Bà thừa nhận Công ty CM có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng gồm: Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 209/11/HĐTD/101-11 ngày 22/4/2011, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/12 ngày 15/02/2012, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 ngày 25/4/2012; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 ngày 15/01/2013, thời hạn: 05 năm. Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 01/12/HĐTD/120-11 ngày 15/02/2012, hợp đồng

sửa đổi, bổ sung số 02/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 ngày 25/4/2012, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 ngày 15/01/2013, thời hạn vay là 04 năm và có thể chấp tài sản là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 076/11/HĐTC-QĐN/101-11 ngày 22/4/2011; hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai sửa đổi, bổ sung số 01/076/11/HĐTC-QĐN/120-11 ngày 23/4/2011. Tổng số tiền hai hợp đồng Công ty vay là 90.000.000.000đ như đại diện nguyên đơn trình bày. Sau khi vay Công ty có thanh toán tiền lãi của Hợp đồng 209/11 là 6.026.869.732đ và thanh toán tiền lãi của Hợp đồng 01/12 là 5.106.627đ, về vốn Công ty chưa thanh toán do tình hình kinh doanh không hiệu quả. Nay Công ty CM thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng vốn 90.000.000.000đ. Đối với tiền lãi, bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn Công ty không đồng ý thanh toán do khoản lãi Ngân hàng yêu cầu không căn cứ pháp lý và không rõ ràng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đặt ra việc thời hiệu khởi kiện không còn yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện bị đơn xin rút ý kiến về thời hiệu không đặt ra trong vụ án.

- Tại văn bản trình bày ông Đặng Đình V, bà Vũ Kiều C thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ánh H', không bổ sung gì thêm.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải được bổ sung tại phiên tòa, đại diện Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh N, ông Trần Như Q trình bày:*

Ban quản lý khu kinh tế tỉnh N có cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với Công ty CM vào ngày 08/10/2007. Quá trình thực hiện Công ty vi phạm các quy định, không triển khai các quy định theo cam kết nên Ban quản lý khu kinh tế tỉnh N có Quyết định số 69/QĐ-BQL ngày 14/11/2013 về việc chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu Công nghiệp Khánh An do Công ty CM làm chủ đầu tư. Đến ngày 05/9/2014 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh N có quyết định số 134/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định cho thuê đất, GCNQSDĐ đối với Công ty CM. Hiện tài sản có diện tích 1.233.343,5m² tại ấp 6 - ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được UBND tỉnh giao cho Ban quản lý dự án khu kinh tế quản lý để cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các doanh nghiệp khác. Nay ông xác định việc Công ty CM vay tiền tại Ngân hàng không liên quan gì đến Ban quản lý. Đối với việc Ngân hàng kiến nghị Ban quản lý khu kinh tế khi giải quyết tiền đầu tư giải phóng mặt bằng cho Công ty CM thì thông báo cho Ngân hàng và cơ quan thi hành án phối hợp nhằm thu hồi nợ cho Ngân hàng Ban quản lý không đồng ý, vì đây là mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với nhà đầu tư.

- Tại văn bản ngày 21/02/2022, đại diện UBND tỉnh N trình bày ý kiến:

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Khánh An quy mô 360 ha do Công ty CM làm chủ đầu tư được Ban quản lý khu kinh tế tỉnh N cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 08/10/2007. Sau thời gian dài chủ đầu tư không triển khai và nhiều lần gia hạn; ngày 14/11/2013 Ban quản lý đã ban hành quyết định số 69/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư dự án.

Về đất đai: Dự án được UBND tỉnh N cho thuê đất tại Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123,33ha. Đến ngày 05/9/2014 UBND tỉnh N có quyết định số 134/QĐ-UBND về

việc thu hồi, hủy bỏ quyết định cho thuê đất, GCNQSDĐ của Công ty CM. Lý do: Chủ đầu tư không thực hiện dự án theo đúng tiến độ, vi phạm Điều 64 Luật đất đai năm 2013. Ngày 10/9/2014 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N ra thông báo số 621/TB-STNMT về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định cho thuê đất, GCNQSDĐ của Công ty CM. Ngày 06/10/2014 Sở Tài nguyên và môi trường phát hành Thông báo số 666/TB-STNMT về việc hủy GCNQSDĐ số AO 984245 đã cấp cho Công ty CM. Thông báo này đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh N để thông báo toàn hệ thống ngân hàng. Công ty không thể chấp GCNQSDĐ mà chỉ thể chấp tài sản hình thành trong tương lai, không đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty CM có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP QĐ tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2022 là 296.443.424.752đ, gồm: Nợ gốc: 90.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 56.265.399.752đ; lãi quá hạn: 150.178.025.000đ. Về án phí xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đặng Đình V, bà Vũ Kiều C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm. Xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đặt ra vấn đề thời hiệu khởi kiện không còn, yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xin rút ý kiến về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nội dung:

Xét các hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 209/11/HĐTD/101-11 ngày 22/4/2011, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/12 ngày 15/02/2012, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 ngày 25/4/2012; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/12/PL-209/11/HĐTD/101-11 ngày 15/01/2013; hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 01/12/HĐTD/120-11 ngày 15/02/2012, hợp đồng

sửa đổi, bổ sung số 02/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 ngày 25/4/2012, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/12/PL-01/12/HĐTD/120-11 ngày 15/01/2013 giữa Ngân hàng và Công ty CM được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ tính đến ngày 17/6/2022, tổng cộng là 296.443.424.752đ, gồm: Nợ gốc: 90.000.000.000đ, lãi trong hạn: 56.265.399.752đ; lãi quá hạn: 150.178.025.000đ và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng của Ngân hàng. Đối với bị đơn không đồng ý trả lãi vì cho rằng nguyên đơn tính lãi không đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, nguyên đơn tính lãi căn cứ vào các nội dung đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng sửa đổi, bổ sung, vì vậy nguyên đơn yêu cầu về trả nợ vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn phù hợp với nội dung Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, phù hợp với giấy nhận nợ, bảng tính chi tiết lãi vay nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty CM phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, tính đến ngày 17/6/2022 với tổng số tiền 296.443.424.752đ, gồm: Nợ gốc: 90.000.000.000đ, nợ lãi 206.443.424.752đ (lãi trong hạn: 56.265.399.752đ; lãi quá hạn: 150.178.025.000đ) và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc kiến nghị Ban quản lý khu kinh tế tỉnh N, Ủy ban nhân dân tỉnh N khi giải quyết hoàn trả khoản tiền đầu tư giải phóng mặt bằng cho Công ty CM thì thông báo cho Ngân hàng và cơ quan thi hành án phối hợp nhằm thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét thấy: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn không đặt ra yêu cầu hay kiến nghị việc này. Hơn nữa giao dịch dân sự giữa Công ty CM với Ban quản lý khu kinh tế tỉnh N, Ủy ban nhân dân tỉnh N về số tiền đầu tư giải phóng và san lấp mặt bằng là giao dịch dân sự khác. Trường hợp giữa các bên không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Về chi phí tố tụng không phát sinh nên không đặt ra giải quyết.

[8] Án phí kinh doanh thương mại bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần hạ tầng CM có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2022 là 296.443.424.752đ (Hai trăm chín mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 90.000.000.000đ, nợ lãi 206.443.424.752đ (lãi trong hạn và quá hạn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 17/6/2022, Công ty cổ phần hạ tầng CM còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty CM phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 076/11/HĐTC-QĐN/101-11 ngày 22/4/2011; hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai sửa đổi, bổ sung số 01/076/11/HĐTC-QĐN/120-11 ngày 23/4/2011.

- Án phí kinh doanh thương mại:

+ Công ty cổ phần hạ tầng CM phải nộp 404.443.425đ (chưa nộp).

+ Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ không phải nộp, ngày 12/01/2022 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 203.833.000đ theo biên lai thu số 0000798 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được hoàn lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THA DS thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Lê Thị Thu